

# LÊ HOÀN,

## NHÀ VUA ĐẦU TIÊN CÀY TỊCH ĐIỀN

TAM MAI\*

**T**heo "Việt sử lược" cuốn sử có niên đại vào thế kỷ XIV ghi: "Năm Đinh Hợi, hiệu Thiên Phù, năm thứ 7 (987) vua bắt đầu cày ruộng tịch điền ở Đọi Sơn, được một lọ vàng bạc; cày ở núi Bà Hối được một lọ nữa, vua đặt tên đất đó là ruộng Kim ngân". Tiếp theo, "Đại Việt sử ký toàn thư" do Ngô Sĩ Liên biên soạn vào thế kỷ XV chép cụ thể hơn về sự kiện này: "Đinh Hợi, năm thứ 8 (niên hiệu Thiên Phúc) năm 987. Mùa xuân vua cày ruộng ở núi Đọi được một chĩnh nhỏ vàng, lại cày ở núi Bàn Hải được một chĩnh bạc, vì thế đặt tên là ruộng Kim ngân". Đến thời Nguyễn, sách "Đại Nam nhất thống chí" lại chỉ ghi nhận Lê Hoàn cày tịch điền ở núi Long Đọi bắt được một lọ vàng cốm nên gọi là Kim điền, chứ không nói đến cày tịch điền ở núi Bà Hối hay Bàn Hải.

Như vậy các cuốn sử cũ đều ghi chép Lê Hoàn là ông vua đầu tiên dưới chế độ quân chủ chuyên chế Việt Nam tiến hành lễ cày tịch điền,

nhằm mục đích khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Nghi lễ này đã có từ rất lâu ở Trung Quốc, được Lê Hoàn vận dụng vào đất Việt. Sử cũ không ghi chép chi tiết nhưng chắc rằng quy mô, nghi thức, Lê Hoàn không dập khuôn theo Trung Quốc, vì mỗi nước có hoàn cảnh lịch sử và văn hoá riêng.

Ruộng tịch điền thuộc quyền quản lý trực tiếp của triều đình, lúa cấy trên ruộng được chọn giống ngon, dùng vào việc tế lễ, đặc biệt là tế thần Xã Tắc.

Khác với thời Hậu Lê và Nguyễn, Lê Hoàn không chọn ruộng tịch điền ở gần hay trong kinh thành mà đặt ruộng tịch điền ở đồng bằng Bắc bộ cách khá xa kinh đô Hoa Lư. Song, khác với thời Lý, Lê Hoàn lấy đất Trường Châu là quê quán để cày ruộng tịch điền. Sau nhiều tranh luận, đến nay có thể khẳng định Lê Hoàn là người Trường Châu, ông nội là Lê Lộc sinh sống ở xã Bảo Thái (nay là xã Liêm Cẩn, huyện Thanh Liêm).

Hơn nữa, ruộng tịch điền ở Đọi Sơn nằm

\* BẢO TÀNG HÀ NAM

trong vùng đất chịu sự quản lý trực tiếp của nhà vua. Sử chép: Sau khi lên ngôi, Lê Hoàn lần lượt phong vương cho các con (kể cả con nuôi), rồi cử đi trấn trị ở các vùng đất thuộc đồng bằng Bắc bộ và Thanh Hoá, trừ Trường Châu. Còn một lý do nữa: Núi Đọi là ngọn núi thiêng. Căn cứ vào bia "Sùng Thiện Diên Linh" có thể suy luận vào thời Lê Hoàn núi có tên là Long Lĩnh, nghĩa là núi Rồng (hiện nay có thôn Đọi Lĩnh thuộc xã Đọi Sơn). Các phát hiện khảo cổ học quanh Đọi Sơn đã cho thấy từ mộ thuyền văn hoá Đông Sơn, mộ Hán, đến mộ thời Hậu Lê, người chết đều được chôn đầu quay về núi Đọi. Cũng từ lâu đời đã lưu truyền phương ngôn:

*Đầu gối núi Đọi  
Chân dọi Tuấn Vương  
Phát tích đế vương  
Lưu truyền vạn đại*

Núi Đọi thì đã rõ, còn Tuấn Vương là khúc sông Hồng giáp giới huyện Lý Nhân và huyện Mỹ Lộc (Nam Định) sóng to, gió lớn gây nhiều hiểm hoạ, thuyền bè rất sợ phải qua nơi này: "Mười hai cửa bể cũng nể Tuấn Vương". Có việc bắt buộc phải qua thì phải làm lễ cúng thủy thần. Phải chăng bốn câu phương ngôn này là thể hiện triết lý âm dương: núi Đọi (dương), Tuấn Vương (âm), âm - dương hài hoà chế áp lẫn nhau thì mọi sự thuận vượng, nó thể hiện một ước vọng, nguyện cầu hơn là một thực tế hiển nhiên, minh nhiên.

Từ Long Lĩnh thời Tiền Lê, đến đời vua Lý Nhân Tông núi có tên là Long Đọi Sơn (Hàm Rồng). Sách "Đại Nam nhất thống chí" biên soạn dưới triều Nguyễn chép: "Dưới chân núi có chín ngọn suối, lại có huyệt đá gọi là huyệt Hàm Rồng". Theo thuyết Âm Dương - Ngũ hành của triết học phương Đông cổ đại, số chín là số thiêng, đó là con số cực dương, biểu tượng của sự sinh sôi, phát triển thuận lý (cửu đỉnh, cửu trùng, cửu thiên...).

Thời Hậu Lê, núi được gọi là Đọi Sơn. Đọi là từ thuần Việt, nghĩa cổ là cái bát ("Ăn không nên đọi, nói không nên lời", "lời nói đọi máu"). Có lẽ vì hình dáng ngọn núi giống cái bát lộn ngược, nên mới có tên như thế. Các sách địa chí thời Nguyễn gọi núi là Long Đọi, Long Đọi Sơn. Ngày nay nhân dân quen gọi là núi Đọi, còn tên xã là Đọi Sơn. Truyền thuyết dân gian vẫn ghi nhớ sự kiện: Cánh đồng vua Lê cày tịch điền nằm sát chân núi phía Tây, trên cánh đồng

này còn lưu lại các địa danh: nhà hiền (nơi dân chúng dâng thức ăn lên nhà vua), dinh trong (nơi vua ở), dinh ngoài (nơi ở của các quan), xứ tàu ngựa (chuồng ngựa của vua và các quan).

Như vậy, Lê Hoàn cày tịch điền ở khu vực núi Đọi thì đã rõ, còn một địa điểm nữa cho đến nay vẫn là một tồn nghi của sử học. Trở lại ghi chép trong "Việt sử lược", có một số chi tiết đáng chú ý: sau khi vua cày ở Đọi Sơn thì chuyển sang cày ở núi Bà Hối. Bà Hối là từ Hán, Bà có nghĩa là bạc trắng, còn hối là của cải. Kết hợp với ghi chép của "Đại Việt sử ký toàn thư" thì nhà vua cày ở núi Đọi được một lọ (chĩnh) vàng, cày ở núi Bà Hối được một lọ (chĩnh) bạc nên gọi chung là ruộng Kim Ngân (ruộng vàng, ruộng bạc).

Rõ ràng việc cày tịch điền của Lê Hoàn ở hai nơi là kế tiếp trong một khoảng cách gần nhau. Theo "Đại Nam nhất thống chí": "Gần đấy (núi Đọi) có Đệp Sơn, cũng gọi là núi Kim Ngưu, hình núi trông như con trâu nằm, trên núi có chùa, đằng trước trông ra sông, phong cảnh đẹp". Trên thực địa thì cả hai núi Đọi Sơn và Đệp Sơn đều nhìn ra sông Châu.

Con trâu từ bao đời là biểu tượng của nền văn hoá lúa nước (con trâu là đầu cơ nghiệp). Cái tên Kim Ngưu (trâu vàng) rất có khả năng ảnh hưởng đến những ghi chép của sử cũ khi nói đến sự kiện Lê Hoàn cày tịch điền.

Cũng không phải tình cờ mà khi đi kinh lý, vua Lê Thánh Tông đã lên thăm núi Đệp và sáng tác thơ để vịnh:

*Kinh Đệp Sơn  
Giang nhân triều thượng hoàng lưu hợp  
Liễu đặc xuân đa thủy sắc minh  
Thị khách kỷ hội thương vãng sự  
Nghị chu thạch bạn vấn sơn danh*

Dịch nghĩa:

*Qua Đệp Sơn  
Sông nhờ thủy triều lên hợp với dòng vàng  
Liễu đượm màu xuân càng thêm vẻ biếc  
Khách thơ mấy độ xót chuyện đã qua  
Bèn ghé thuyền sát vách đá hỏi thăm tên*

núi

"Xót chuyện đã qua" có lẽ nhắc đến việc Lê Hoàn cày tịch điền ngày xưa không còn lưu dấu tích. Sau này, Nguyễn Du có bài thơ Đường luật "Vị Hoàng doanh" mà câu kết thúc là: "Đệp Sơn bất cải cụ thời thanh" (Núi Đệp không đổi, vẫn một màu xanh cũ).

Núi Đập có phải là nơi Lê Hoàn cày tịch điền hay không? đây mới chỉ là giả thuyết cần được chứng minh thêm bằng dữ liệu khảo sát thực địa và truyền thuyết dân gian.

Nói theo nhà vua khởi nghiệp nhà Tiền Lê, triều đình nhà Lý rất quan tâm đến việc khuyến khích sản xuất nông nghiệp, không chỉ có cày tịch điền, các vua nhà Lý còn lập đàn Xã Tắc, tổ chức hội chơi trâu cầu được mùa, kinh lý xem dân gặt lúa, gieo hạt... Ruộng tịch điền thời Lý đặt ở Ô Lộ, Tín Hương, Bó Hải Khẩu, Kha Lãm, Ứng Phong và Lợi (Ly) Nhân trong vùng châu thổ sông Hồng và ở gần sông, gần biển. Thời này, ruộng tịch điền không còn ở khu vực Đới Sơn nữa mà chuyển đến khu vực hành cung Lợi (Ly) Nhân, (nay là khu vực Ủy ban nhân dân xã Phú Phúc, Lý Nhân) thuộc thôn Lý Nhân xưa, ngay bên hữu ngạn sông Hồng.

Như đã lý giải ở trên, sản phẩm của ruộng tịch điền dành cho việc tế lễ. Vào thời vua Lý Thái Tông trên núi Đới đã có chùa, đến thời vua Lý Nhân Tông cho xây dựng Bảo tháp Sùng Thiện Diên Linh, hoàn thành năm 1121. Thái hậu Nguyên phi Ý Lan cúng 72 mẫu ruộng cho nhà chùa dành cho lễ Phật. Lúc ấy núi Đới, tháp Sùng Thiện Diên Linh là Đại danh lam kiêm hành cung. Vì thế ruộng tịch điền của triều đình không còn đặt ở khu vực này nữa cũng là điều dễ hiểu.

Còn tại sao nhà Lý lại chọn khu vực hành

Tam Mai: Lê Hoàn, nhà vua đầu tiên cày tịch điền...

cung Lợi (Ly) Nhân làm ruộng tịch điền?

Sử cũ ghi chép trong thời Lý, nhiều lần nhà vua về đất Lợi (Ly) Nhân để khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Tháng 6 năm 1067 vua Lý Thái Tông xem gặt lúa và đua thuyền. Lý Thánh Tông hai lần đến xem gặt lúa vào tháng 10 năm 1077 và tháng 8 nhuận năm 1080, một lần đến xem dân gieo hạt vào tháng 6 năm 1101. Vua Lý Anh Tông vào tháng 2 năm 1146 và mùa xuân năm 1148 về cày tịch điền. Vua Lý Thần Tông đi Ly Nhân xem gặt lúa vào tháng 10 năm 1137. Ngày Giáp Dần, tháng 11 năm 1217, vua Lý Huệ Tông về Đới Sơn xem dân bắt cá.

Cày tịch điền dưới thời quân chủ chuyên chế là một trong những biện pháp khuyến nông. Người khai mở chính là nhà vua sáng lập nhà Tiền Lê: Lê Hoàn, ông đã góp vào truyền thống tốt đẹp của dân tộc một mỹ tục được tiếp nối dài lâu.

T.M

#### Chú thích:

- 1 - Biên soạn dưới thời Trần, khoảng sau năm 1377.
- 2 - *Việt sử lược*, Nxb. Thuận Hoá, 2005, tr.62.
- 3 - Ngô Sĩ Liên: *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Nxb. KHXH, H. 1972, tr.171.



Đường vào cõi thiêng - Ảnh: Khánh Duyên